TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-PT
Ngày 11 tháng 11 năm 2019
V/v "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Chánh Trung

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiếu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 07/2019/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 77/2018/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh V1 bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3028/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: LE THO M, sinh năm 1941.

Địa chỉ: 13471 Galway St. Garden Grove CA, 92844 USA. (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Thái Thị Ngọc T. Địa chỉ: 7/2 Đường A, khóm H, Phường 1, thành phố V, tỉnh V1 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Chính T1. Luật sư Văn phòng luật sư T2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ: 31A, P, Phường 4, thành phố V, tỉnh V1 (có mặt).

Bị đơn: Bà Bùi Mỹ L. Địa chỉ: 164/4 Đường P1, Khóm 4, Phường 9, thành phố V, tỉnh V1 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Bà Nguyễn Thị Thanh M. Địa chỉ: 1/1, Lưu Văn L, Phường 2, thành phố V, tỉnh V1 (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân Phường 9, thành phố V, tỉnh V1 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2015 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của ông Le Tho M là bà Thái Thị Ngọc T trình bày:

Ông Le Tho M và bà Bùi Mỹ L kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh V1, đến năm 2009 thì ông Le Tho M và bà L ly hôn. Khi ly hôn thì về quan hệ tài sản chưa yêu cầu giải quyết. Nay ông Le Tho M khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung giữa ông Le Tho M với bà Bùi Mỹ L.

Tài sản chung giữa ông Le Tho M với bà Bùi Mỹ L bao gồm:

+ Căn nhà Số 164/4 Phạm H, Khóm 4, Phường 9, thành phố V, tỉnh V1, loại nhà cấp 3, kết cấu khung và sàn bê tông cốt thép, nền lót gạch men, mái tole, diện tích xây dựng khoảng 122m^2 hiện do bà Bùi Mỹ L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn nhà Số 164/4 Phạm H gắn liền với phần đất thửa số 15, tờ bản đồ số 24, diện tích 122m, loại đất ở tại đô thị, tọa lạc tại Khóm 4, Phường 9, thành phố V, tỉnh V1.

+ 01 xe hon đa hiệu AIRBLADE biển số 64 Y1- 4803 giá trị khoảng 20.000.000đ.

+ 01 xe Attilla biển số 64 K7- 5908 giá trị khoảng 5.000.000đ.

+ 01 bộ ghế sofa giá trị khoảng 7.000.000đ.

+ 01 đèn chùm giá trị khoảng 10.000.000đ.

+ 01 tủ gỗ đựng quần áo kích thước 3m x 2,2m x 0,5m giá trị khoảng 20.000.000đ.

+ 01 tủ gỗ đựng quần áo kích thước 2m x 2,2m x 0,5m giá trị khoảng 10.000.000đ.

+ 01 tủ gỗ đựng quần áo kích thước 1,5m x 2,2m x 0,5m giá trị khoảng 5.000.000đ.

+ 01 giường ngủ bằng gỗ kích thước 1,8m x 2m giá trị khoảng 20.000.000đ.

+ 01 giường ngủ bằng gỗ kích thước 1,8m x 2m giá trị khoảng 10.000.000đ.

+ 01 giường ngủ bằng gỗ kích thước 1,8m x 2m giá trị khoảng 7.000.000đ.

+ 01 giường ngủ bằng gỗ kích thước 1,6m x 2m giá trị khoảng 5.000.000đ.

+ 01 ti vi SAMSUNG 42 inch giá trị khoảng 4.000.000đ.

+ 01 tủ lạnh 250 lít hiệu TOSHIBA giá trị khoảng 2.000.000đ.

+ 01 tủ lạnh 250 lít hiệu TOSHIBA giá trị khoảng 3.000.000đ.

Ngoài ra không còn tài sản nào khác.

Nay ông Le Tho M yêu cầu được sở hữu căn nhà Số 164/4 Phạm H, Khóm 4, Phường 9, thành phố V, tỉnh V1 và các loại tài sản khác và đồng ý trả lại cho bà L 50% giá trị.

Bị đơn bà Bùi Mỹ L và người đại diện trình bày: Bà đồng ý với lời trình bày của ông Le Tho M về quan hệ hôn nhân. Trong quá trình chung sống giữa bà và ông Le Tho M không có tài sản chung nên không đồng ý yêu cầu chia tài sản của ông Le Tho M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân Phường 9, thành phố V, tỉnh V1 trình bày: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh V1 đưa ra giải quyết đối với phần đất mà bà Bùi Mỹ L đúng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất. Phần diện tích đất do Ủy ban nhân dân Phường 9 quản lý là phần đất để mở rộng đường khu dân cư tỉnh ủy nên yêu cầu không giải quyết.

Từ nội dung vụ án trên bản án sơ thẩm số 77/2018/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh V1 tuyên xử:

Căn cứ Điều 37, Điều 217, 228, 469, 470 Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 33 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Le Tho M do chị Thái Thị Ngọc T đại diện về việc yêu cầu bà Bùi Mỹ L chia cho ông Le Tho M ½ giá trị căn nhà và đất tại số 164/4, loại nhà cấp 3, kết cấu khung và sàn bê tông cốt thép, nền lót gạch men, mái tole, diện tích xây dựng khoảng 122m^2 gắn liền trên thửa đất số 15, tờ bản đồ số 24, diện tích 122m^2 (đo đạc thực tế 119,2m^2), loại đất ở tại đô thị, tọa lạc tại Khóm 4, Phường 9, thành phố V, tỉnh V1 do bà bà Bùi Mỹ L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất.

2/ Đình chỉ xét xử đối với phần mà đương sự đã xin rút lại yêu cầu khởi kiện.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 03/01/2019, bà Thái Thị Ngọc T đại diện cho ông Le Tho M (nguyên đơn) kháng cáo. Theo kháng cáo bà Trâm đề nghị công nhận nhà và đất tại Số 164/4 Phạm H, Khóm 4, Phường 9, thành phố V, tỉnh V1 là tài sản chung giữa bà Bùi Mỹ L và ông Le Tho M, yêu cầu được chia ½ giá trị cho ông Le Tho M là 475.250.050đ.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm hôm nay bà Thái Thị Ngọc T cho rằng ½ giá trị nhà và đất nêu trên bằng 464.250.060đ, bà yêu cầu giao nhà và đất nêu trên cho ông Le Tho M, ông Le Tho M trả lại ½ giá trị cho bà Bùi Mỹ L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Le Tho M thì đề nghị công nhận theo đề nghị của bà Thái Thị Ngọc T.

Đại diện cho bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh M thì đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát cho rằng theo lời trình bày của bà Bùi Mỹ L trong việc giải quyết vụ án xin ly hôn thì bà Bùi Mỹ L thừa nhận ông Le Tho M có gửi tiền về, đồng ý xác định nhà – đất nêu trên cho ông Le Tho M là 500.000.000đ, nên vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Thái Thị Ngọc T đại diện cho ông Le Tho M, buộc bà L trả lại ½ giá trị nhà –đất cho ông Le Tho M là 464.250.050đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của bà Thái Thị Ngọc T đại diện cho ông Le Tho M kháng cáo, kháng cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về nội dung vụ án thì Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thể hiện ông Lê Tho M có gửi tiền cho bà L có 03 giai đoạn. Giai đoạn trước khi đăng ký kết hôn vào đầu năm 2006, giai đoạn sau khi đăng ký kết hôn năm 2007; 2008 và giai đoạn sau khi ly hôn năm 2009; 2010 với tổng số tiền là 63.000 USD. Theo ông Lê Tho M thì ông gửi tiền về cho bà L trả tiền mua đất, xây nhà và mua sắm các trang thiết bị trong nhà như: Tủ, gường, bàn ghế...Mặc dù ông Lê Tho M gửi tiền về không có ghi để trả tiền mua đất, xây nhà và mua sắm...nhưng theo lời trình bày của bà L tại biên bản hòa giải trong việc giải quyết xin ly hôn ngày 28/7/2009 thì bà L thừa nhận căn nhà và đất nêu trên là tài sản chung giữa bà và ông Lê Tho M và đồng ý trả lại giá trị nhà và đất nêu trên cho ông Lê Tho M là 500.000.000đ. Về phía ông Lê Tho M lúc này không có yêu cầu chia tài sản chung, để ông với bà L tự giải quyết, nên Tòa án chỉ giải quyết về hôn

nhân, còn tài sản thì chưa giải quyết, đến ngày 20/3/2015 do 02 bên không tự thỏa thuận giải quyết về tài sản nên ông Lê Tho M khởi kiện xin chia tài sản chung với bà L sau khi ly hôn.

Tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa cấp phúc thẩm hôm nay đại diện cho ông Lê Tho M xác định không có yêu cầu chia các tài sản khác như tủ gỗ, tủ lạnh, tivi, giường gỗ...mà chỉ yêu cầu được chia ½ giá trị căn nhà và đất nêu trên cho ông Lê Tho M.

Hội đồng xét xử xét thấy theo giấy tờ mua đất và xây nhà đối với căn nhà nêu trên thì bà L mua vào năm 2006, xây nhà vào năm 2006, phù hợp với giai đoạn năm đầu năm 2006 ông Lê Tho M đã gửi tiền về cho bà L, phù hợp với lời trình bày của bà L. Trong giai đoạn giải quyết cho ông Lê Tho M với bà L được ly hôn, nên có căn cứ xác định nhà đất nêu trên là tài sản chung giữa ông Lê Tho M với bà L. Tòa án cấp sơ thẩm không dựa vào lời khai ban đầu của bà L để xử, mà xử bác yêu cầu của ông Lê Tho M đòi chia giá trị nhà và đất nêu trên là làm thiệt hại đến quyền lợi của ông Lê Tho M nên cần phải chấp nhận theo kháng cáo của bà Thái Thị Ngọc T đại diện cho ông Le Tho M, cũng như theo đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và theo đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là sửa án sơ thẩm, xác định nhà và đất nêu trên là tài sản chung giữa ông Lê Tho M với bà L, ông Lê Tho M là người định cư ở nước ngoài nên không chấp nhận theo yêu cầu của bà T đòi nhận nhà và đất, mà giao nhà và đất cho bà L được sở hữu, buộc bà L trả lại giá trị ½ nhà và đất nêu trên cho ông Lê Tho M bằng 464.250.050đ.

Do ông Lê Tho M (người cao tuổi) nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Tho M như án sơ thẩm xử.

[3] Việc án sơ thẩm xử: Đình chỉ phần yêu cầu của đương sự do đương sự rút lại yêu cầu khởi kiện cũng như buộc hai bên phải chịu phần chi phí thẩm định đã có hiệu lực pháp luật.

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Thái Thị Ngọc T đại diện cho ông Le Tho M.

Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 37, Điều 217, 228, 469, 470 Luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 33 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xác định: Nhà và đất tại số 164/4 Phạm H, Khóm 4, Phường 9, thành phố V, tỉnh V1, loại nhà cấp 3, kết cấu khung và sàn bê tông cốt thép, nền lót gạch men, mái tole, diện tích xây dựng khoảng 122m^2 gắn liền trên thửa đất số 15, tờ bản đồ số 24, diện tích 122m^2 (đo đạc thực tế 119,2m^2), loại đất ở tại đô thị, tọa lạc tại Khóm 4, Phường 9, thành phố V, tỉnh V1 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác trên đất mà UBND cấp cho bà Bùi Mỹ L là tài sản chung giữa bà Bùi Mỹ L và ông Le Tho M.

Xử:

Giao căn nhà và phần đất nêu trên cho bà Bùi Mỹ L sử dụng, sở hữu (hiện nay bà L đang quản lý, sử dụng).

Buộc bà Bùi Mỹ L phải trả lại giá trị ½ nhà và đất nêu trên cho ông Lê Tho M là 464.250.050đ (Bốn trăm sáu mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn không trăm năm mươi đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ phải thi hành, không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Việc án sơ thẩm đình chỉ xét xử về phần đương sự rút lại yêu cầu khởi kiện cũng như xét xử về phần án phí, buộc các đương sự phải chịu phần chi phí thẩm định – các phần này đã có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí cho ông Lê Tho M.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11/11/2019.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh V1;
- VKSND tỉnh V1;
- Cục THADS tỉnh V1;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ vụ án, ĐTT (13b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Chánh Trung